

THE TEN BHŪMIS — THẬP ĐỊA BỒ TÁT

A bilingual English–Vietnamese Dharma introduction | Giới thiệu Phật pháp
Anh–Việt

The ten bhūmis (Sanskrit: daśabhūmi) are the ten bodhisattva grounds on the path to complete awakening. They describe profound stages of realization, not simply ten levels of calm meditation. Each ground is associated with a particular perfection (pāramitā).

Thập Địa (Sanskrit: daśabhūmi) là mười địa của Bồ Tát trên con đường tiến đến giác ngộ viên mãn. Đây là những giai đoạn chứng ngộ sâu xa, không đơn giản là mười cấp độ thiền tĩnh lặng. Mỗi địa liên hệ đặc biệt với một Ba-la-mật (pāramitā).

Editorial note / Ghi chú biên soạn: The explanations below are concise educational summaries, NOT verbatim quotations from a sūtra. / Những giải thích dưới đây là phần tóm lược để học hỏi, KHÔNG phải nguyên văn kinh.

1. Perfect Joy — Pramuditā | 1. Hoan Hỷ Địa

The first bhūmi marks the direct, nonconceptual realization of reality and entry into the path of seeing. Great joy arises from the bodhisattva's progress toward awakening for the benefit of beings. The especially emphasized perfection is generosity (dāna).

Sơ Địa đánh dấu sự trực chứng thực tại, không qua khái niệm, và bước vào Kiến Đạo. Niềm hoan hỷ lớn lao phát sinh vì Bồ Tát tiến gần hơn đến giác ngộ để lợi ích chúng sinh. Ba-la-mật được nhấn mạnh là Bố thí (dāna).

2. Stainless — Vimalā | 2. Ly Cấu Địa

The bodhisattva's ethical discipline becomes exceptionally pure, free from the stains of harmful conduct. The especially emphasized perfection is ethical discipline (śīla).

Giới hạnh của Bồ Tát trở nên đặc biệt thanh tịnh, xa lìa những ô nhiễm do hành vi bất thiện. Ba-la-mật được nhấn mạnh là Trì giới (śīla).

3. Luminous — Prabhākarī | 3. Phát Quang Địa

The light of understanding shines more clearly as the bodhisattva cultivates patience, including forbearance in the face of suffering and harm. The especially emphasized perfection is patience (kṣānti).

Ánh sáng hiểu biết ngày càng tỏ rạng khi Bồ Tát phát triển nhẫn nhục, kể cả trước đau khổ và sự tổn hại. Ba-la-mật được nhấn mạnh là Nhẫn nhục (kṣānti).

4. Radiant — Arciṣmatī | 4. Diệm Huệ Địa

Wisdom blazes like a flame that burns away obstacles to awakening. The bodhisattva engages tirelessly in wholesome activity. The especially emphasized perfection is diligence (vīrya).

Trí tuệ rực sáng như ngọn lửa đốt cháy những chướng ngại trên đường giác ngộ. Bồ Tát tinh tấn không mệt mỏi trong các thiện hạnh. Ba-la-mật được nhấn mạnh là Tinh tấn (vīrya).

5. Difficult to Conquer — Sudurjayā | 5. Nan Thắng Địa

The bodhisattva develops stable meditative concentration and becomes difficult for distractions and obstacles to overcome. The especially emphasized perfection is meditative concentration (dhyāna).

Bồ Tát phát triển thiền định vững chắc, khó bị tán loạn và các chướng ngại khuất phục. Ba-la-mật được nhấn mạnh là Thiền định (dhyāna).

6. Clearly Manifest — Abhimukhī | 6. Hiện Tiền Địa

Insight into dependent origination and emptiness becomes especially profound. The bodhisattva understands that phenomena arise dependently and lack independent, inherent existence. The especially emphasized perfection is wisdom (prajñā).

Sự thấu hiểu Duyên Khởi và Tính Không trở nên đặc biệt sâu sắc. Bồ Tát thấy các pháp do nhân duyên sinh khởi và không có tự tính độc lập. Ba-la-mật được nhấn mạnh là Trí tuệ (prajñā).

7. Far Progressed — Dūraṅgamā | 7. Viễn Hành Địa

The bodhisattva advances far in uniting wisdom and compassionate activity, adapting the teaching to the needs of beings. The especially emphasized perfection is skillful means (upāya).

Bồ Tát tiến rất xa trong sự kết hợp trí tuệ với hoạt động đại bi, tùy căn cơ chúng sinh mà hướng dẫn. Ba-la-mật được nhấn mạnh là Phương tiện thiện xảo (upāya).

8. Immovable — Acalā | 8. Bất Động Địa

The bodhisattva becomes unwavering on the path. In standard Tibetan presentations, the afflictive obscurations have been eliminated, although subtle obscurations to omniscience remain. The especially emphasized perfection is spiritual strength (bala).

Bồ Tát trở nên bất động trên con đường giác ngộ. Theo cách trình bày thông dụng của Phật giáo Tây Tạng, phiền não chướng đã được đoạn trừ, nhưng vẫn còn sở tri chướng vi tế. Ba-la-mật được nhấn mạnh là Lực (bala).

9. Perfect Intelligence — Sādhumatī | 9. Thiện Huệ Địa

The bodhisattva becomes highly skilled in understanding beings and explaining the Dharma in ways suited to them. The especially emphasized perfection is aspiration prayer (praṇidhāna).

Bồ Tát có trí tuệ thiện xảo để thấu hiểu căn cơ chúng sinh và giảng dạy Chánh Pháp thích hợp. Ba-la-mật được nhấn mạnh là Nguyện (praṇidhāna).

10. Cloud of Dharma — Dharmameghā | 10. Pháp Vân Địa

Like a great cloud bringing life-giving rain, the bodhisattva benefits countless beings through the Dharma. This is the highest of the ten bodhisattva grounds, immediately preceding complete buddhahood in the sūtra presentation. The especially emphasized perfection is primordial wisdom (jñāna).

Như đám mây lớn ban mưa nuôi dưỡng muôn loài, Bồ Tát đem Chánh Pháp làm lợi ích vô lượng chúng sinh. Đây là địa cao nhất trong Thập Địa, ngay trước Phật quả viên mãn theo hệ thống Kinh thừa. Ba-la-mật được nhấn mạnh là Trí nguyên sơ (jñāna).

Aspiration and discernment | Phát nguyện và phân biệt

“May we traverse the ten bhumis in this very life” is an aspiration toward the highest realization for the sake of all beings. A passing experience of calm, clarity, or nonconceptual awareness should not be mistaken for attainment of a bodhisattva ground.

“Nguyện ngay trong đời này vượt qua mười địa” là tâm nguyện hướng đến chứng ngộ cao nhất vì lợi ích mọi chúng sinh. Một kinh nghiệm an tĩnh, sáng tỏ hoặc không có ý niệm thoáng qua không nên bị nhầm là đã chứng đắc một địa Bồ Tát.

SOURCES / NGUỒN THAM KHẢO

PRIMARY SCRIPTURAL SOURCE / KINH ĐIỂN CHÍNH: The Ten Bhūmis (Daśabhūmika), in the Avataṃsaka Sūtra (Buddhāvataṃsaka), Tibetan Kangyur, Toh 44-31. English translation: 84000, Translating the Words of the Buddha. <https://84000.co/translation/toh44-31>

SECONDARY REFERENCE / TÀI LIỆU ĐỐI CHIẾU: Rigpa Wiki, “Ten bhumis” and “Ten paramitas.” https://www.rigpawiki.org/index.php?title=Ten_bhumis ; https://www.rigpawiki.org/index.php?title=Ten_paramitas

Source note / Lưu ý: The Sanskrit names, sequence, and pāramitā correspondences are based on the cited sources. English explanations and Vietnamese translations are newly composed summaries for educational use; they are not presented as canonical translations. / Tên Sanskrit, thứ tự và sự liên hệ với các Ba-la-mật dựa trên các nguồn ghi trên. Phần giải thích Anh-Việt do biên soạn để học tập, không nhận là bản dịch nguyên văn kinh điển.